TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2025/HS-PT
Ngày 04/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/3 và ngày 04/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 1148/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1979; tại tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Số 183 Đường 27/4, phường Phước H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/12/2021 theo quyết định truy nã, chuyển tạm giam từ ngày 17/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

2. **Hồ Sỹ Th**, sinh năm 1985; tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Thôn 11, xã Quỳnh T, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Hồ Sỹ Z, sinh năm 1965 và bà Đậu Thị Ng, sinh năm 1965; vợ là Trần Thị

Huyền Tr, sinh năm 1986; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H:

1. Ông Nguyễn Trọng L là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Hãng luật Tường Trương Xuân Tám thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

2. Bà Trịnh Thị H là Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên Anh Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Sỹ Th: Bà Trần Giáng H là Luật sư Văn phòng Luật sư Tam Đa thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 183 đường 27-4, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có đơn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tung: Bà Trịnh Thị H - Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên Anh V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo X, P và những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Phát triển nhà Ô C (viết tắt là Công ty Ô C) được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 15-11-2001. Ngày 28-12-2004, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Quyết định số 14266/QĐ-UB, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1-500 *"Khu dân cư số 1, tây nam thị trấn Long Đ, huyện Long Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"* do Công ty Ô C làm chủ đầu tư, với tổng diện tích 354.167 m^2 đất. Trong đó, tổng số các căn hộ là 1.455 căn hộ - 169.526 m^2 đất ở. Điều 2 của Quyết định trên cũng quy định rõ: Công ty Ô C có trách nhiệm: *"... xây dựng các công trình kiến trúc theo thiết kế được thỏa thuận với hình thức xây thô hoàn thiện mặt tiền hoặc xây dựng hoàn chỉnh. Không cho phép chuyển nhượng nền đất cho dân tự xây dựng"*.

Ngày 16-3-2012, UBND huyện Long Đ có Quyết định số 950/QĐ/UBND phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1-500 *"Khu dân cư số 1 tây nam thị trấn Long Đ, huyện Long Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"*.

Để có nguồn vốn thực hiện dự án, với tư cách là Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Ô C, ông

Hoàng Huy H đã tự ra chủ trương và đại diện Công ty Ô C thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) tại các Ngân hàng và một số cá nhân để vay vốn. Quá trình đầu tư, Công ty Ô C không đủ năng lực tài chính nên đã thực hiện việc ký kết một số hợp đồng chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án cho một số cá nhân, doanh nghiệp, cụ thể:

Ngày 01-9-2016, Công ty Ô C đã ký *"Hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu dân cư số 1, Tây Nam Thị trấn Long Đ, số 01/HĐ-CNDA"* cho Công ty TNHH XD-TM Thu H (gọi tắt Công ty Thu H).

Đến ngày 05-9-2016, Công ty Ô C ký lại *"Hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu dân cư số 1, Tây Nam Thị trấn Long Đ, số 03/HĐ-CNDA"* với cá nhân Nguyễn Thị Thu H, với giá tiền là 180 tỷ đồng, với điều kiện: *"thời gian thanh toán trong vòng 180 ngày phải thanh toán 100% giá trị hợp đồng chuyển nhượng và trong 90 ngày làm việc Công ty Thu H và bà H không thanh toán cho công ty Ô C thì hợp đồng sẽ vô hiệu"*. Đồng thời Công ty Ô C cũng ký *"Hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần cho Công ty Thu H, trị giá 17 tỷ đồng (ông Hoàng Huy H= 34 %, ông Phan Hồng V= 33 %, ông Nguyễn Văn T= 33 %), với điều kiện trong 90 ngày làm việc Công ty Thu H và bà H không thanh toán cho công ty Ô C thì hợp đồng sẽ hết hiệu lực"*.

Sau khi ký và thỏa thuận với nhau các hợp đồng như trên, hai bên không hoàn thành được các thủ tục chuyển nhượng vì những cá nhân, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng không giao đủ tiền theo hợp đồng, chưa hoàn thành được thủ tục sang tên đăng ký kinh doanh, đầu tư theo pháp luật, không đảm bảo thủ tục pháp lý theo quy định. Do đó, ngày 09-9-2020, Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Công văn số 3363/SXD-TTr, cung cấp thông tin về dự án "Khu dân cư số 1 tây nam thị trấn Long Điền" xác định: Tính đến nay, Sở Xây dựng chưa tiếp nhận giải quyết thủ tục chuyển nhượng Dự án "Khu dân cư số 1 tây nam thị trấn Long Đ do Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Ô C là chủ đầu tư".

Sau khi ký và theo thỏa thuận với nhau, từ năm 2016 đến năm 2018 ông H đồng ý để Nguyễn Thị Thu H tất toán khoản vay, mua lại các giấy CNQSDĐ tại các Ngân hàng, trong đó:

Ngày 04-7-2017, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) phát mãi tài sản thông qua đơn vị bán đấu giá tài sản là Công ty Đại Việt tiến hành bán đấu giá đối với 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm số AN 028529, AN 028509, AN 028511, AN 028549, AN 816369, AN 816370, AB 234566. Người mua trúng đấu giá là Nguyễn Thị Thu H (Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 16-2017-HĐMB, nhận ngày 10-5-2018). Tổng giá trị bán đấu giá tài sản là 6.645.000.000 đồng. H đã được ngân hàng BIDV giao các giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 05-12-2017 và ngày 10-5-2018.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp tiền tất toán, giải chấp các tài sản như sau:

- Mua đấu giá tài sản là 07 GCNQSDĐ được Công ty Ô Cấp thế chấp tại BIDV Chi nhánh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gồm: AN 028529, AN 028509, AN

028511, AN 028549, AN 816369, AN 816370, AB 234566.

- Nộp tiền để tất toán, giải chấp 06 GCNQSDĐ mà Công ty Ô C thế chấp để vay tiền Ngân hàng Công thương chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, gồm: AD 079588, AC 838565, AC 838564, AB 902316, AB 902319, AC 653644.

- Nộp tiền để tất toán, giải chấp 05 GCNQSDĐ Công ty Ô Cấp đã thế chấp để vay tiền Ngân hàng SHB chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm: AB 234874, V 068079, X 540540, AD 705673, R 557253.

- Nộp tiền để tất toán, giải chấp 15 giấy CNQSDĐ mà Công ty Ô Cấp thế chấp để vay tiền Ngân hàng Seabank chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, gồm: AN 028518, AN 028517, AN 028516, AN 028515, AD 079549, AD 079550, AN 028510, AN 028508, AN 028504, AN 028501, AN 079581, AD 079580, AD 079580, AD 079069, AD 079576, AN 028521.

Những Giấy CNQSDĐ trên bị cáo Hà chưa sang tên được vì Công ty Ô C còn đang nợ thuế (BL 316, 317).

Ngày 27-02-2017, theo cam kết ba bên giữa Eximbank, bị cáo H và Công ty Ô C, thì bị cáo H phải chuyển cho Ngân hàng 46 tỷ để giải chấp 172 Giấy CNSDĐ nhưng bị cáo H không thực hiện (BL 2351).

Theo quy định của Luật Đất đai 2013, Luật kinh doanh bất động sản 2014 và Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thì các quyền sử dụng (QSD) đất trong dự án trên chỉ được chuyển nhượng sau khi đã chuyển mục đích sử dụng đất ở, đã xây dựng xong đồng bộ hạ tầng cơ sở, phân lô theo đúng quy hoạch, được Sở Xây dựng tỉnh nghiệm thu, cho phép chuyển nhượng.

Do đó trên thực tế các QSD đất trong dự án nói trên chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Thu H đã lợi dụng các hợp đồng chuyển nhượng nói trên, tự xưng mình là chủ của dự án *"Khu dân cư số 1, Tây Nam thị trấn Long Điền"* rồi uỷ quyền cho các đối tượng khác đem các QSD đất thuộc dự án chuyển nhượng cho nhiều người, nhận tiền rồi chiếm đoạt. Cụ thể:

Từ năm 2018, thông qua ông Nguyễn Văn T là chồng của Nguyễn Thị Thu H, H quen biết với Đỗ Minh Ph là bạn cùng học Cao học chuyên ngành xây dựng với ông T. H đã đề nghị Ph về làm cho H để kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất tại dự án "*Khu dân cư số 1 Tây Nam thị trấn Long Đ*" của Công ty Cổ phần phát triển nhà Ô C làm chủ đầu tư. Ph đồng ý và về ở tại địa chỉ 183 Đường 27/4, phường Phước H, thành phố Bà Rịa cùng với gia đình H. Nguyễn Thị Thu H không trực tiếp đứng ra chuyển nhượng QSD đất, mà đã ủy quyền, khoán việc, viết giấy chuyển nhượng QSD đất cho Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y (là con gái của H) và Hồ Sỹ Th để thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng rồi thu tiền, cụ thể:

Ngày 15-4-2019, Nguyễn Thị Thu H ký "Giấy ủy quyền" cho Nguyễn Thị Y (là con gái ruột của H) được chuyển nhượng QSD đất trong các giấy chứng nhận AN 816369 và AN 816370 (vẫn đang đăng ký QSD đất tên Công ty Ô C). Đến ngày 18-4-2019, H hủy giấy ủy quyền nói trên, lại ký "Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng QSD đất theo hiện trạng" cho Ph và Y QSD đất cũng trong các giấy chứng

nhận AN 816369 và AN 816370 trên đây, để Ph, Y được chuyển nhượng QSD đất trên (hợp đồng không có công chứng).

Ngày 23-4-2019, tại Văn Phòng Công chứng Chí Linh, Nguyễn Thị Thu H ký "Hợp đồng khoán việc" và "Biên bản cam kết": giao khoán cho Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Xuân A do Hồ Sỹ Th là đại diện theo pháp luật được chào bán các QSD đất là đất thương phẩm trên diện tích khoảng 20.000 m^2, nằm trong khu dân cư số 1 Tây Nam thị trấn Long Đ thuộc sở hữu của H, được thu tiền của khách hàng và giao tiền lại cho H theo thoả thuận.

Trên cơ sở các văn bản thỏa thuận và cam kết nêu trên, theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Thu H; Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y với danh nghĩa là đại diện chủ đầu tư đã cùng với Hồ Sỹ Th liên kết với nhau rao bán các nền đất trong dự án nói trên. Hồ Sỹ Th đại diện cho công ty Xuân A ký hợp đồng dịch vụ với các công ty có chức năng kinh doanh bất động sản như Công ty Khôi Ng, Công ty Mái Ấm V, Công ty Thiên P để tìm kiếm khách hàng phân phối các nền đất thuộc dự án Khu Dân cư số 1 Tây Nam Thị trấn Long Đ.

Để dễ chuyển nhượng (bán) các nền đất trong dự án trên, Hồ Sỹ Th đã tự ý đổi tên Dự án *"Khu dân cư số 1 Tây Nam thị trấn Long Đ"* thành tên *"Long Hải Golden Sea"*.

Ngày 04-06-2019, Hồ Sỹ Th ký Hợp đồng dịch vụ với các công ty môi giới bất động sản là Công ty Khởi Ng, Công ty Mái Ấm V, Công ty Thiên P với nội dung: giao cho 03 công ty này phân phối chung 178 nền đất tại Dự án *"Long Hải Golden Sea"*.

Hồ Sỹ Th đã cam kết với các Công ty môi giới và các khách hàng: Công ty Xuân A là chủ đầu tư hợp pháp của Dự án, sẽ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong 120 ngày và ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng. Khi có khách hàng đồng ý mua, phía Công ty Xuân A và các công ty thứ cấp sẽ dẫn khách hàng về gặp trực tiếp Ph và Y ở Bà Rịa để ký chuyển nhượng các nền đất bằng hình thức ký kết hợp đồng thỏa thuận giữ chỗ sản phẩm rồi Ph, Y thu tiền của khách hàng, sau đó bàn giao tiền lại cho Nguyễn Thị Thu H.

Với phương thức, thủ đoạn như trên: Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y và Hồ Sỹ Th đã liên kết với các công ty môi giới nói trên ký các hợp đồng thỏa thuận giữ chỗ sản phẩm nhằm mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án Khu Dân cư số 1 Tây Nam Thị trấn Long Điền cho nhiều khách hàng, thu tiền, hưởng lợi cụ thể như sau:

Ngày 10-5-2019, thông qua giới thiệu của Hồ Sỹ Th (Giám đốc Công ty Xuân A), ông Hoàng Văn T đã đến nhà riêng và là nơi làm việc của Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ 183 Đường 27/4, phường Phước H, TP Bà Rịa, Bà Rịa- Vũng Tàu, đăng ký mua 10 nền đất thành phẩm có ký hiệu trong sơ đồ thiết kế của dự án trên là: B1-B21, B1-B22, B1-B23, B1-B24, B1-B25, B1-B26, B1-B27, B1-B28, B1-B29 và B1-B30 (thuộc các giấy chứng nhận AN 816369 và AN 816370 mà bà H ký ủy quyền và chuyển nhượng cho Ph, Y ngày 15-4 và 18-4-2019) với giá tiền tổng cộng là 6.535.750.000 đồng. Ông Thân đã đặt cọc 100.000.000 đồng cho mỗi

nền đất, tổng số tiền đặt cọc cho 10 nền là 01 tỷ đồng, cam kết sau 120 ngày, Ph, Y ra Giấy chứng nhận QSD các lô đất thành phẩm sẽ trả thanh toán hết số tiền còn lại. Tại đây, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y ký "Thoả thuận giữ chỗ sản phẩm nền đất thương phẩm trong dự án" (nội dung hợp đồng thể hiện là chuyển nhượng QSD đất ở). Ph lập "Phiếu Thu", Y ký "Người nhận tiền". Nguyễn Thị Thu H là người trực tiếp nhận tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó cùng ngày, Đỗ Minh Phương theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Thu H, chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của Hồ Sỹ Th để chi trả tiền chênh lệnh cho việc môi giới 10 nền đất trên theo Hợp đồng khoán việc giữa Nguyễn Thị Thu H và Hồ Sỹ Th.

Chưa hết thời hạn theo hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng QSD đất, ông T đến hiện trường dự án, tìm hiểu hồ sơ pháp lý của dự án thì được biết: Dự án xây dựng nhà ở "*Khu dân cư số 1 tây nam Thị trấn Long Điền*" mà Ph, Y ký bán cho ông, chủ dự án là Công ty Ô C (không phải của bà H) và chưa xây dựng xong hạ tầng cơ sở. Là một người chuyên kinh doanh bất động sản, nên ông T hiểu rõ: các nền đất mà ông đã mua trên đây không thể chuyển nhượng được, vì chưa xây dựng xong hạ tầng cơ sở như đường nội bộ, điện, nước, công trình công cộng…, chưa đủ điều kiện chuyển nhượng theo pháp luật kinh doanh bất động sản. Ông T yêu cầu trả lại tiền nhưng Nguyễn Thị Thu H, Đỗ Minh Ph cho rằng ông T vi phạm thỏa thuận hợp đồng giữ chỗ sản phẩm, nên ông T bị mất số tiền đã giao 01 tỷ đồng. Ông T làm đơn tố giác Ph, Y (là người đứng trực tiếp đứng ra bán và ký tên trong hợp đồng, ký nhận tiền) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu .

Trong khi chưa giải quyết xong tranh chấp với ông T, thì từ ngày 06-6-2019, đến ngày 17-6-2019, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Thu H và Hồ Sỹ Th (thông qua công ty môi giới là Công ty Khởi Ng) tiếp tục, bán cho nhiều người khác 10 nền đất đã ký bán cho ông T trước đó và thu tiền, cụ thể như sau:

1. Bán cho ông Trần Hữu Tr, nền đất số B1- B21, giá 931.630.410 đồng; theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 22/TTKT, 18-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 279.489.123 đồng.

2. Bán cho bà Phan Thị Kim H 04 nền số: B1- B22, B1- B23, B1- B25, B1- B26, giá 3.071.520.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 18,19/TTKT, 13-6-2019; số 20, 21-TTKT ngày 20-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 921.456.000 đồng;

3. Bán cho bà Trần Thị Mai D, nền số B1- B24, giá 767.880.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 25/TTKT, 17-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 230.364.000 đồng;

4. Bán cho ông Nguyễn Duy Tr, nền số B1- B27, giá 767.880.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 24/TTKT, 17-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 230.364.000 đồng;

5. Bán cho ông Hồ Hữu T, nền số B1- B28, giá 767.880.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 23/TTKT, 17-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 230.364.000 đồng;

6. Bán cho bà Nguyễn Thị Thu H, nền số B1-B29, giá 767.880.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 29/TTKT, 24-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 230.364.000 đồng;

7. Bán cho bà Lê Thị Hoài Th, nền số B1- B30, giá 767.880.000 đồng, theo Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm số 30/TTKT, 24-6-2019. Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 230.364.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được: Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Thu H và Hồ Sỹ Th (thông qua công ty môi giới là Công ty Khởi Ng) còn bán 16 QSD đất, trong đó có 10 nền đất thuộc các Giấy CNQSDĐ là tài sản đứng tên Công ty CP phát triển nhà Ô C vẫn đang thế chấp tại ngân hàng Eximbank chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, được xác định là nợ xấu phát sinh trước ngày 21-6-2017 và liên quan đến vụ án "Vi phạm các quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng" xảy ra tại Ngân hàng Eximbank, trong nhóm khách hàng Công ty Ô C mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đang tiến hành điều tra, yêu cầu Ngân hàng xử lý tài sản để xác định thiệt hại, cụ thể như sau:

1. Bán cho ông Nguyễn Thanh H 05 nền đất số: A1-A26, A1-A31, A1-A69, A1-A94 và A1-A96, giá 3.860.784.000 đồng, Công ty Khởi Ng đã thu tổng cộng số tiền là 1.158.235.200 đồng *(trong đó 03 QSD đất số A1- A26, A1- A31, A1- A69 thuộc Giấy CNQSD đất số AB 234545 đang được Công ty Ô Cấp thế chấp, vay tiền tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu);*

2. Bán cho ông Phạm Văn D, nền đất số D1-D23, giá 1.037.405.800 đồng, Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 311.221.764 đồng *(QSD đất số D1- D23 đang được Công ty Ô Cấp thế chấp, vay tiền tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu);*

3. Bán cho ông Nguyễn Anh T, nền số A1-A28, giá 717.336.000 đồng, Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 215.200.000 đồng;

4. Bán cho bà Dương Hồng Nh, nền số A1-A29, giá 717.336.000 đồng, Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 215.200.000 đồng;

5. Bán cho ông Vũ Đình H, nền số B2-B117, B2-B118, Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 896.869.746 đồng;

6. Bán cho ông Ngô Đắc L, 05 nền đất số A1-A06, A1-A07, A1-A32, A1-A33, B2-B46, giá 3.712.104.000 đồng, Công ty Khởi Ng đã thu số tiền là 1.143.655.200 đồng.

7. Bán cho ông Vũ Đức L, nền đất số A1-A38, giá 790.000.000 đồng, Ph, Y đã thu số tiền 316.000.000 đồng và giao lại cho Nguyễn Thị Thu H.

Khi thanh toán đợt 1 và ký hợp đồng thoả thuận giữ chỗ sản phẩm, các khách hàng nói trên tìm hiểu pháp lý thì phát hiện pháp lý dự án và pháp lý các thửa đất khách hàng mua không rõ ràng, tên Dự án không đúng như khi chào sản phẩm. Các khách hàng Phan Thị Kim H, Ngô Đắc L, Nguyễn Thanh H không ký thỏa thuận giữ chỗ sản phẩm. Nhiều khách hàng đã yêu cầu các Công ty Khởi Ng, Công ty Xuân A cho gặp chủ đầu tư để yêu cầu trả lại tiền. Ngày 30-7-2019, Công

ty Khởi Ng tổ chức đưa các khách hàng Ngô Đắc L, Phan Thị Kim H, Nguyễn Thanh H, Hồ Hữu T, Nguyễn Duy Tr đến nhà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ 183 Đường 27/4, Phường Phước H, Tp. Bà Rịa để yêu cầu H trả lại tiền. Tại nhà H, các khách hàng đã yêu cầu H trả lại tiền nhưng H không đồng ý trả. Các khách hàng yêu cầu H cung cấp pháp lý dự án thì H cầm trên tay 01 tập Giấy CNQSD Đất nói với khách hàng: H có giấy, ai mua thì đưa tiền đủ thì H giao giấy tờ đất, không thì mất tiền. Sau đó H bỏ đi. Khách hàng yêu cầu lập biên bản ghi nhận lại sự việc. Sau đó cho rằng các khách hàng vi phạm hợp đồng, không tiếp tục đóng tiền nên H không trả lại tiền cho khách hàng. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền không được, tất cả khách hàng trên đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra.

Việc chuyển nhượng, thu tiền của những người trên cũng theo trình tự: Ph, Y ký "Hợp đồng giữ chỗ sản phẩm", viết "Phiếu Thu" tiền (Ph ký Người lập phiếu, Y ký Người nhận tiền); H là người giữ tiền (sau khi đã trừ số tiền chia cho người môi giới theo tỷ lệ mà các bên thỏa thuận (Công ty Xuân A, Công ty Thiên P, Mái Ấm V, trả tiền lương cho 2 bị cáo Ph, Y). Trong việc bán cho ông T thì Hồ Sỹ Th được H chia cho 300 triệu đồng.

Tổng số tiền đã thu (thiệt hại) của 15 khách hàng là 7.609.147.033 đồng (Bảy tỷ, sáu trăm linh chín triệu, một trăm bốn bảy nghìn, tám trăm ba ba đồng), trong đó:

- Công ty Khởi Ng đã thu giữ tiền đặt cọc và thanh toán đợt 1 của 13 khách hàng, với tổng số tiền là 6.293.147.833 đồng, đã chuyển cho Hồ Sỹ Th (thông qua tài khoản cá nhân của Phan Trung Ng - Giám đốc Công ty Mái Ấm V, là bạn của Th, Ng rút tiền hoặc chuyển khoản cho Th) số tiền 5.859.148.633 đồng (Năm tỷ, tám trăm năm chín triệu, một trăm bốn tám ngàn, sáu trăm ba ba đồng), giữ lại thụ hưởng 433.999.200 đồng (Bốn trăm ba ba triệu, chín trăm chín chín ngàn, hai trăm đồng).

- Hồ Sỹ Th đã chuyển cho Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.051.098.564 đồng (Năm tỷ, không trăm năm mốt triệu, không trăm chín tám ngàn, năm trăm sáu tư đồng) thông qua hình thức: hoặc là chuyển khoản, hoặc là giao cho các nhân viên Nguyễn Quốc Á, Đào Hữu V và nhờ Phan Trung Ng giao tiền mặt cho H. Công ty Xuân A giữ lại 808.050.069 đồng (Tám trăm linh tám triệu, không trăm năm mươi ngàn, không trăm sáu chín đồng), cộng với 300 triệu đồng thụ hưởng từ việc môi giới cho ông Hoàng Văn T. Như vậy, Hồ Sỹ Th (và Công ty Xuân A) đã hưởng lợi được số tiền 1.108.050.069 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ tám triệu, không trăm năm mươi ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng).

- Nguyễn Thị Thu H, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y đã thụ hưởng số tiền 5.051.098.564 đồng (Năm tỷ, không trăm năm mốt triệu, không trăm chín tám ngàn, năm trăm sáu tư đồng) + 700.000.000 đồng (nhận của ông Hoàng Văn T) + 316.000.000 đồng (nhận của ông Vũ Đức L) = 6.067.098.564 đồng (Sáu tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm chín tám ngàn, năm trăm sáu bốn đồng).

Quá trình điều tra còn xác định, các nền đất (QSD đất) mà Nguyễn Thị Thu H, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y và Hồ Sỹ Th thông qua các công ty môi giới cam kết chuyển nhượng cho các khách hàng như đã nêu trên đang có tranh chấp như

sau:

- 10 nền đất có ký hiệu: BI-B21, B22, B23, B24, B25, B26, B27, B28, B29, B30, thuộc Giấy Chứng nhận QSDĐ số AN 816369 và số AN 816370, được bà Nguyễn Thị Thu H mua đấu giá từ Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu. Từ năm 2007 đến 2012, các mã nền đất trên đã được Công ty Ô C ký chuyển nhượng cho các khách hàng bằng hình thức nhận góp vốn, cụ thể như sau:

+ Ngày 25-02-2009, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B21, BI-B22 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Lê Văn Ch, trú tại Khu phố Long H, TT Long Đ, huyện Long Đ, BR-VT; ông Ch đã đóng 100% giá trị hợp đồng (bằng hình thức góp vốn bằng đất), nhưng đến nay vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 04-3-2009, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B24 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Tô Hải H, trú tại 85 đường 18, Khu phố 5, Phường Linh Tr, TP. Thủ Đ; ông H đã đóng 100% giá trị hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa nhận được nền đất và giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 20-6-2010, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B23 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho vợ chồng bà Vương Thị Ngọc L, ông Nguyễn Tiến Th, trú tại 2-5A Đường 3-2, Phường Nguyễn An N, TP Vũng Tàu, BR-VT; bà L, ông Th đã đóng 90% giá trị hợp đồng, đã nhận bàn giao nền đất nhưng chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 12-10-2011, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B25 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Bùi Văn Th, trú tại Vũ T, Kiến X, Thái Bình; ông Thái đã đóng 100% giá trị hợp đồng, nhưng đến nay chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 22-9-2011, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B26 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Nguyễn Ngọc K, trú tại 266 Lê L, Phường 7, TP Vũng Tàu; ông Khang đã đóng 100% giá trị hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa nhận được nền đất và giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 16-7-2010, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B27 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho bà Bùi Thị Tr, trú tại 78-6 Bình G, Phường 8, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT; bà Tr đã đóng 100% giá trị hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 02-5-2012, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B28 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại 103-14 Bình G, Phường 8, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT; bà Hường đã đóng 100% giá trị hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa nhận được nền đất và giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 25-5-2010, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B29 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho bà Nguyễn Thị Lan P, trú tại 227 Lê Quang Đ, Phường Thắng Nh, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT; bà Phượng đã đóng 100% giá trị hợp đồng nhưng đến nay vẫn chưa nhận được QSD đất và giấy chứng nhận QSD đất.

+ Ngày 11-5-2012, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất BI-B30 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Đàm Quốc H, trú tại 42-3-2 Khu phố 7, Đường số 35, Phường Hiệp Bình Ch, Quận Thủ Đ (nay là TP Thủ Đ), TP HCM; ông H đã đóng 100% giá trị hợp đồng, đã bàn giao nền đất nhưng đến nay chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

- Nền đất có ký hiệu A69 thuộc Giấy CNQSDĐ số BD 682861 cấp ngày 27-6-2011, ngày 09-11-2007, Công ty Ô C đã chuyển nhượng cho ông Võ Minh Sơn, trú tại 30 đường D3, KP6, Phường Phước Long B, TP Thủ Đức, TP HCM. Sau đó, Nguyễn Thị Thu mua lại nền đất trên với giá 300.000.000 đồng và bán cho ông Nguyễn Thanh H, chưa ra đăng ký QSD đất cho ông H.

- 10 nền đất sau đây đang được Công ty Ô Cấp thế chấp tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu, được xác định là nợ xấu phát sinh trước ngày 21-6-2017 và liên quan đến vụ án hình sự "Vi phạm các quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng" xảy ra tại Ngân hàng Eximbank khi cho nhóm khách hàng Công ty Ô C vay tiền, mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đang điều tra:

1. Nền đất ký hiệu A26 (khách hàng Nguyễn Thanh H) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 682884.

2. Nền đất ký hiệu A31 (bán cho ông Nguyễn Thanh H) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 682879.

Trước đó ngày 25-6-2012, Công ty Ô Cấp đã chuyển nhượng nền đất A31 trên đây bà Nguyễn Thị N, trú tại KP Cư Xá, TT Kiên L, huyện Kim L, tỉnh Kiên Giang; bà N đã đóng 80% giá trị hợp đồng, đã bàn giao nền đất nhưng đến nay chưa nhận được giấy chứng nhận QSD đất.

3. Nền đất ký hiệu A94 (khách hàng Nguyễn Thanh H) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 682852.

4. Nền đất ký hiệu A96 (khách hàng Nguyễn Thanh H) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 682850.

5. Nền đất ký hiệu D23 (khách hàng Phạm Văn D) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 707413.

Trước đó, ngày 12- 11- 2007, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất D23 trên đây cho ông Trần Văn T, trú tại ấp Phú An I, xã Bình H, huyện Châu Th, An Giang.

6. Nền đất ký hiệu A28 (khách hàng Nguyễn Anh T) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 682882.

7. Nền đất ký hiệu A29 (khách hàng Dương Hồng Nh) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD682881.

8. Nền đất ký hiệu A32 (khách hàng Ngô Đắc L) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 707425.

9. Nền đất ký hiệu A33 (khách hàng Ngô Đắc L) thuộc Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số BD 682877.

10. Nền đất ký hiệu A38 (bán cho ông Vũ Đức L) thuộc Giấy chứng nhận QSD đất số AB 234547. Ngày 05-6-2009, Công ty Ô C đã thế chấp QSD đất số AB 234547, cùng với 20 QSD đất khác, ký Hợp đồng tín dụng số 1803-LAV-200900306, vay Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - Chi nhánh Bà Rịa, số tiền là 20 tỷ đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Trước đó, ngày 13-01-2012, Công ty Ô C đã chuyển nhượng nền đất A38 bằng hình thức ký Hợp đồng góp vốn cho ông Nguyễn Văn Th, trú tại 97/BC2, Phường 12, Quận Tân B, TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, giấy chứng nhận QSD đất số AB 234547 Công ty Ô C đang thế chấp tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Bà Rịa quản lý.

Trong quá trình điều tra Đỗ Minh Ph khai nhận: Bị cáo là người làm thuê, cộng tác với bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 2018, bị cáo Ph biết bị cáo H không phải là chủ sử hữu hợp pháp của dự án nhưng đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, đã cùng bị cáo Nguyễn Thị Y chuyển nhượng trái pháp luật QSD đất trong dự án dưới hình thức ký các "Thoả thuận giữ chỗ sản phẩm" với 15 khách hàng – 27 nền đất, lập và ký "Phiếu thu tiền", cam kết QSD đất hợp pháp là của mình, cam kết đăng ký được giấy chứng nhận QSDĐ cho khách hàng làm cho khách hàng tin tưởng, nhận chuyển nhượng QSD đất, giao tiền. Bị cáo Ph cùng bị cáo Y nhận tiền của khách hàng, được bị cáo H trả lương 15 triệu đồng/tháng, ngoài ra không được thêm khoản nào khác.

Nguyễn Thị Y khai nhận: bị cáo Y là con của Nguyễn Thị Thu H, ở cùng nhà, được Nguyễn Thị Thu H nuôi dưỡng. Y biết rõ các QSD đất mà Y đứng ra cam kết chuyển nhượng với khách hàng là không hợp pháp, không thuộc sở hữu của mình nhưng đã thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, đã cùng với bị cáo Đỗ Minh Ph ký các "Thoả thuận giữ chỗ sản phẩm", lập và ký các "Phiếu thu", cam kết đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, cam kết đăng ký được giấy chứng nhận QSDĐ cho khách hàng làm cho khách hàng tin tưởng nhận chuyển nhượng QSD đất, giao tiền cho Hạnh để Hạnh giao lại cho bị cáo Hà.

Hồ Sỹ Th khai nhận: Bị cáo là người kinh doanh bất động sản, có hiểu biết pháp luật về lĩnh vực này. Sau khi được bị cáo Nguyễn Thị Thu H ký "Hợp đồng khoán việc" tại dự án, bị cáo Th đã môi giới bán cho ông T; tự đổi tên Dự án "Khu dân cư số 1 Tây Nam TT Long Đ" của Công ty Ô C thành Dự án "Long Hải Golden Sea", cam kết với khách hàng rằng Công ty Xuân A là đơn vị xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án "Long Hải Golden Sea", cam kết hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong 120 ngày rồi giao giấy CNQSDĐ cho khách hàng làm cho các khách hàng tin tưởng, nhận chuyển nhượng QSD đất, nhưng sau đó không thực hiện được. Bị cáo Hồ Sỹ Th trực tiếp được hưởng lợi số tiền 1.108.050.069 đồng trong tổng số 7.609.147.833 đồng mà bị cáo H và đồng phạm chiếm đoạt của 15 khách hàng.

Khi các khách hàng phát hiện Dự án không đủ căn cứ pháp lý để chuyển nhượng và yêu cầu trả lại tiền, các bị cáo H, Th, Ph và Y vẫn không trả lại tiền cho các bị hại và chiếm đoạt cho đến nay.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H: Quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận việc chỉ đạo các bị cáo Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y ký kết các hợp đồng thoả thuận giữ chỗ sản phẩm và thu tiền của khách hàng; cho rằng Hợp đồng khoán việc ngày 23-4-2019 giữa bị cáo Hà và Công ty Xuân A là vô hiệu từ thời điểm ký kết, lý do bị cáo H ký kết với Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Xuân A, nhưng trên hợp đồng, dấu mộc lại là Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Xuân A. Bị cáo H cho rằng không có giao dịch gì liên quan đến hợp đồng khoán việc này.

Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo Hồ Sỹ Th, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y đều khẳng định việc các bị cáo Ph, Y ký các hợp đồng thỏa thuận giữ chỗ sản phẩm với các khách hàng do Công ty CP Đầu tư địa ốc Xuân A (gọi tắt là công ty Xuân A) môi giới theo sự chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y và Hồ Sỹ Th đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định:

- Bà Dương Thị Minh H (mẹ ruột của bị cáo Đỗ Minh Ph) đã trả lại cho ông Vũ Đức L- Nguyễn Thị C (là khách hàng mua QSD đất có mã nền ký hiệu AI-A38) số tiền 316.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Ph. Hiện ông L, bà C có "Đơn yêu cầu rút đơn khiếu kiện" đối với Ph và Y.

- Ông Nguyễn Văn T - đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Thị Y, đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Thu H, bà Lê Thị Hoài Th (là khách hàng mua QSD đất có mã nền ký hiệu BI- B29, BI-B30) số tiền 460.728.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Y. Hiện bà Nguyễn Thị Thu H có "Đơn đề nghị rút đơn tố cáo" đối với Ph, Y.

- Ông Nguyễn Văn T - đại diện gia đình bị cáo Y thỏa thuận với ông Hoàng Văn T trả lại số tiền 700.000.000đ để khắc phục hậu quả trong việc nhận chuyển nhượng 10 lô đất tại dự án "Khu dân cư số 1 Tây Nam thị trấn Long Đ" mà Y, Th đứng ra ký hợp đồng. Ông T đã nhận tiền và có đơn xin bãi nại cho 02 bị cáo Đỗ Minh Ph, Nguyễn Thị Y.

Còn lại tất cả những người bị hại khác chưa được các bị cáo trả lại tiền đã chiếm đoạt.

- Ngày 25-11-2020, ông Nguyễn Văn T - đại diện gia đình bị cáo Hạnh đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để khắc phục 1 phần hậu quả của vụ án; ông Nguyễn Đình Ch, Giám đốc Công ty Bất động sản Khởi Ng tự nguyện nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền hượng lợi bất chính từ việc môi giới các QSDĐ cho Công ty Xuân A và bị cáo Nguyễn Thị Thu H là 433.999.200 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng như sau:

- 01 (một) Điện thoại Iphone tình trạng không lên nguồn, găn kèm 01 thẻ

sim mã số 8401-2106-5062-8375;

- 01 (một) Điện thoại Iphone tình trạng không lên nguồn, găn kèm 01 thẻ sim mã số 8401-2106-5062-8354;

- 01 (một) Điện thoại Iphone tình trạng không lên nguồn (không thẻ sim);

- 01 (một) điện thoại Nokia model: RM-1035, IMEI: 354895089797422, găn kèm 01 thẻ sim mã số 8401-2011-5206-0969;

- 01 (một) ổ cứng di động SSK SHE 088;

- 01 ổ cứng di động hiệu SEAGATE, số S-N: NA96NSC3 dung lượng 1TB;

- 01 USB hiệu TRANSCEND, dung lượng 8 GB.

- 01 (một) điện thoại Iphone số seri: C39XHKXKKPH3 (trong có chứa 01 sim không rõ số thuê bao).

- 01 (một) điện thoại Samsung số seri: R58R2382Q5K (trong có chứa 01 sim không rõ số thuê bao).

- 01 (một) điện thoại Huawei (trong có chứa 02 sim không rõ số thuê bao).

- 01 (một) điện thoại Iphone (trong có chứa 01 sim không rõ số thuê bao, mã số 8984048000034783576).

- 01 (một) Điện thoại Iphone tình trạng không lên nguồn (không thẻ sim)

- 01 Xe ô tô BKS: 72A-120.36 Hiệu BMW màu trắng.

- 01 mộc dấu "Công ty Cổ phần phát triển nhà Ô Cấp" và 01 con tên " GIÁM ĐỐC Hoàng Huy H";

- 01 Ổ cứng di động chứa các file trích xuất dữ liệu từ các thiết bị di động Cơ quan Điều tra thu giữ (theo Kết luận giám định số: 1578-KL-KTHS ngày 12-5-2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an);

- Số tiền 1.434.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9042797 của Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (không xác định thật giả) đã được niêm phong.

- 03 nhẫn kim loại màu vàng (đã được niêm phong).

Toàn bộ số đồ vật, tài liệu còn lại nói trên, hiện Cơ quan CSĐT (PC03) Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2024/HS-ST ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1.1. Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị

Thu H 16 (Mười sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-12-2021.

1.2. Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Sỹ Th 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-6-2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên các đồng phạm khác, xử lý về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/10/2024 bị cáo H kháng cáo kêu oan yêu cầu trả tự do và trả lại 100 giấy tờ gốc quyền sử dụng đất cho bị cáo H. Ngày 01/11/2024 bị cáo Thường kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty Xuân A, do bị cáo Th làm giám đốc, chưa được Cơ quan điều tra và cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo nên đề nghị tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo H, để điều tra làm rõ. Ngày 30/10/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T kháng cáo yêu cầu trả lại 1.000.000.000 đồng đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Nguyễn Thị Y trong vụ án. Tại phiên tòa các bị cáo H, Th thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để nhập vào giải quyết các vụ án xảy ra tại dự án khu dân cư Long Đ.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:

- Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo H: Bị cáo H cùng đồng phạm đưa ra thông tin không đúng, dự án chưa được sang tên bị cáo H là chủ sở hữu dự án; chưa sang tên quyền sử dụng đất đứng tên bị cáo H; chưa chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở; chưa làm hệ thống hạ tầng dự án theo quy định, đã dùng hình thức như Hợp đồng đặt cọc, đang có tranh chấp nhưng chuyển nhượng cho người khác; đất còn đang thế chấp tại Ngân hàng và Chủ dự án khu dân cư Long Đ thuộc Công ty Ô C, bị cáo H là chủ mưu, chưa được Nhà nước công nhận là chủ sở hữu dự án, chủ sử dụng đất, chưa được phép cho sang nhượng đất nền nhưng các bị cáo H, Ph, Y và Th đã dùng các hình thức hợp đồng để chiếm đoạt của bị hại 6.609.147.031 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng tội, không oan. Đối với bị cáo Th tại phiên tòa thay đổi nội dung kháng cáo từ giảm nhẹ hình phạt nay yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để nhập vào vụ án bị cáo H đã chiếm đoạt của bị cáo Thường trên 104 tỷ đồng, do bán đất dự án khu dân cư Long Đ cho bị cáo Th là không phù hợp, vì đơn tố cáo của bị cáo Th Cơ quan điều tra giải quyết riêng là có cơ sở. Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu trả lại 1 tỷ đồng đã nộp nhằm khắc phục hậu quả là không phù hợp. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác đơn kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư L, H bào chữa cho bị cáo H trình bày: Luật sư Trương Xuân T tham gia bảo vệ cho bị cáo H từ giai đoạn điều tra nhưng khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không mời luật sư Tám tham gia bào chữa cho bị cáo H là vi phạm Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Th đã thừa nhận là người thay đổi tên dự án; là giám đốc Công ty Xuân A đã ký hợp đồng với Công Ty Khởi Ng, Công ty Mái Ấm V môi giới ký hợp đồng giữ chỗ, tham gia chiếm đoạt tiền của khách hàng nên có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm;

Quy kết bị cáo H phạm tội là không có căn cứ, vì bị cáo H không tham gia, không chỉ đạo, không ký nhận tiền mà toàn bộ do bị cáo Y và Ph ký hợp đồng và nhận tiền.

Việc chuyển nhượng dự án giữa Công ty Ô C và bị cáo H là có thật nhưng do chưa thực hiện được pháp lý là lỗi của Công ty Ô C nên chưa sang tên; đến nay các thửa đất người dân đã nhận tiền của bị cáo H, bị cáo Hà đã đầu tư, mua, nhận giải chấp của Ngân hàng của Công ty Ô C nên không phải là người lừa đảo; bị cáo H không quản cáo sai về dự án, 17 nền đất thế chấp tại Ngân hàng do Công ty Khởi Ng giới thiệu bán, không liên quan bị cáo H; mức án giữa bị cáo H và bị cáo Th là không phù hợp, không tương xứng nhau. Hiện nay, trong cùng dự án khu dân cư Long Đ xảy ra 3 vụ án hình sự, đang điều tra để xét xử nên cần phải hủy để giải quyết trong cùng một vụ án, nhằm khách quan, toàn diện và tránh bỏ lọt tội phạm.

Đối với 01 tỷ đồng ông T nộp để khắc phục hậu quả nhưng nay ông T khó khăn nên yêu cầu nhận lại số tiền này là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Bị cáo H trình bày: Nhất trí với lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo và bổ sung Công ty Ô C đã bán dự án và cổ phần của Công ty Ô C cho bị cáo và đã bàn giao con dấu Công ty Ô C cho bị cáo; nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bị cáo không có tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Bị cáo Th thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Vì lý do năm 2019 bị cáo Th là nhà đầu tư đang tố cáo hành vi của bị cáo H chiếm giữ 104 tỷ đồng của bị cáo Th không xem xét mà giải quyết đơn tố cáo của ông T về hợp đồng đặt cọc 01 tỷ đồng sau khi có đơn của bị cáo Th. Hiện nay dự án khu dân cư Long Đ có 3 đến 4 vụ án hình sự, không nhập vào để giải quyết mà tách từng vụ án là không phù hợp, nên bị cáo Th thay đổi kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để nhập lại giải quyết cùng một lúc các vụ án là phù hợp. Bị cáo Th nhất trí với lời trình bày của luật sư và bổ sung thêm trong vụ án này ông T là chồng của bị cáo H tham gia vụ án, là người soạn thảo văn bản và làm biên nhận nhận tiền, chuyển tiền qua tài khoản ông Tung nên đã bỏ lọt ông T, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư H bảo vệ quyền lợi cho ông T trình bày: Bị cáo Th chuyển tiền cho ông T là chi phí đo đạc dự án, không phải tiền bán đất nền dự án, đến nay không có chứng từ ông T nhận tiền chuyển nhượng dự án. Mặt khác, ông T làm việc tại ban quản lý dự án huyện Long Đ nên giới thiệu cho bị cáo Th về dự án tại địa phương là phù hợp; không có dấu hiệu tham gia chuyển nhượng dự án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia tranh tụng: Các luật sư và các bị cáo cho rằng cần hủy bản án sơ thẩm để nhập vào các vụ án đã xảy ra tại dự án khu dân cư Long Đ là không có cơ sở. Vì trong

vụ án này chỉ truy tố và xét xử về hành vi gian dối chiếm đoạt trên 6 tỷ đồng của khách hàng, do chuyển nhượng đất nền của dự án; còn các hành vi khác sẽ được xử lý bằng những vụ án khác là phù hợp nên không chấp nhận lời trình bày của các luật sư và các bị cáo.

Không ai tham gia tranh tụng thêm, bị cáo H và Th có lời nói sau cùng: Bị cáo H mong Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả tự do cho bị cáo vì bị cáo không có tội; bị cáo Th đề nghị hủy bản án sơ thẩm để nhập các vụ án lại giải quyết, để thấy bị cáo cũng là bị hại nhằm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3]. Tại cấp phúc thẩm luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng Luật sư Trương Xuân T tham gia bảo vệ cho bị cáo H từ giai đoạn điều tra nhưng khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không mời luật sư T tham gia bào chữa cho bị cáo H là vi phạm Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, bị cáo H và gia đình bị cáo H không làm thủ tục mời luật sư Trương Xuân T bào chữa cho bị cáo H tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không mời luật sư Trương Xuân T tham gia phiên tòa sơ thẩm là có cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/10/2024 bị cáo H đã mời luật sư Nguyễn Trọng Lai, Công ty Luật TNHH MTV Hãng luật Tường Trương Xuân T và luật sư Trịnh Thị H, Công ty Luật TNHH Một thành viên Anh V, đều thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bào chữa cho bị cáo H. Như vậy, về quyền được bào chữa cho bị cáo H được bảo đảm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo H cũng không có yêu cầu mời luật sư Trương Xuân T bào chữa cho bị cáo H; đồng thời tại đơn kháng cáo ngày 22/10/2024 bị cáo H cũng không có khiếu nại, kháng cáo nội dung Tòa án cấp sơ thẩm không mời luật sư Trương Xuân T. Do đó, các luật sư đưa ra nội dung này nhằm yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là hoàn toàn không có căn cứ.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H:

[4.1]. Bị cáo H kháng cáo kêu oan thì thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo H cùng đồng phạm đều xác nhận dự án Khu dân cư số 1, Tây Nam thị trấn Long Đ, chủ dự án là Công ty Ô C; lợi dụng "Hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu dân cư số 1, Tây Nam Thị trấn Long Đ" và "Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần" giữa Công ty Ô C và Nguyễn Thị Thu H; các hợp đồng này chưa hoàn thành, chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sang tên, công nhận chủ

dự án, không có giá trị pháp lý, quyền sử dụng đất mua được qua đấu giá tài sản chưa đăng ký QSDĐ theo quy định và Nhà nước không cho phép chuyển nhượng nền đất nhưng bị cáo H đã ký hợp đồng ủy quyền, khoán việc cho Công ty Xuân A do Hồ Sỹ Th làm đại diện môi giới, chuyển nhượng đất nền; bị cáo H chỉ đạo bị cáo Ph, Y và Th chuyển nhượng QSDĐ cho khách hàng với hình thức ký "Hợp đồng thỏa thuận giữ chỗ sản phẩm", "Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ"…nhằm chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong dự án *"Khu dân cư số 1, Tây Nam thị trấn Long Đ, huyện Long Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu"* do Công ty Ô C làm chủ đầu tư. Từ ngày 10/5/2019 đến ngày 17/6/2019, bị cáo H cùng đồng phạm dùng các thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật về pháp lý dự án, chưa được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác; bằng các hành vi thủ đoạn trên bị cáo H cùng đồng phạm ký hợp đồng chiếm đoạt của 11 bị hại với số tiền 6.609.147.039 đồng; phù hợp với các tài liệu Cơ quan điều tra thu thập như: Lời khai các bị cáo, Biên bản đối chất giữa các bị cáo, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng tội, không oan sai.

[4.2]. Bị cáo H Yêu cầu trả lại 100 giấy chứng nhận QSDD thì thấy: Tại phiên Tòa bị cáo cho rằng đã trúng đấu giá, giải chấp tất toán cho Ngân hàng… và đã thanh toán xong tiền cho 100 giấy chứng nhận QSDĐ. Toàn bộ số tài liệu còn lại trong Biên bản giao nhận vật chứng số 59/BB-CTHADS ngày 15/8/2022 được lập giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (từ dòng số 13 trang 2 trở xuống), sẽ được xử lý trong vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Thông báo số 411/TB-PC01 ngày 31/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; hiện đã tách ra xử lý trong một vụ án khác. Vì vậy, bị cáo H yêu cầu trả lại 100 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các luật sư bào chữa cho bị cáo H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để nhập vào các vụ án xảy ra tại dự án này là chưa đủ cơ sở nên không được chấp nhận.

[4.3]. Tại cấp phúc thẩm các luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm đối với ông Phan Trung N là người đại diện của Công ty Mái Ấm V môi giới bán đất nền cho Công ty Xuân A và Đào Hữu V, Nguyễn Quốc A là nhân viên của Công ty Xuân A. Song quá trình điều tra ông Ng là đại diện Công ty môi giới thứ cấp, còn ông V và ông Á là nhân viên của bị cáo Th, thực hiện mọi công việc theo yêu cầu của bị cáo T; việc ông V, ông Á và ông Ng giao tiền mặt và chuyển tiền qua tài khoản cho bị cáo Y, H theo yêu cầu của bị cáo Th; những đối tượng trên không được trao đổi, không biết tính pháp lý của dự án, không biết hành vi phạm tội của các bị cáo và cũng không được hưởng lợi trong vụ án nên không xử lý hình sự các đối tượng trên là có căn cứ. Bị cáo Th cho rằng trong vụ án này có sự tham gia của ông T là chồng của bị cáo H nhưng quá trình điều tra không có cơ sở là phù hợp.

[5]. Xét kháng cáo xin giảm án đối với bị cáo Hồ Sỹ Th: Bị cáo Th có vai trò

thực hành và giúp sức tích cực nhất trong vụ án, bị cáo Th đã tự ý đổi tên dự án *"Khu dân cư số 1 Tây Nam TT Long Đ"* thành tên *"Long Hải Golden Sea"*. Bị cáo Thường đại diện cho Công ty Xuân A ký hợp đồng dịch vụ với các công ty có chức năng kinh doanh bất động sản như Công ty Khởi Ng, Công ty Mái Ấm V, Công ty Thiên Ph để tìm kiếm khách hàng phân phối các nền đất thuộc dự án. Bị cáo chủ động tìm khách hàng theo sự chỉ đạo của H để ký các hợp đồng giữ chỗ, thu tiền của các bị hại nộp về cho bị cáo H, lập các "*Bản cam kết*" về việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng để khách hàng tin tưởng giao tiền mua đất nền. Trong vụ án này, bị cáo Th giúp sức chiếm đoạt số tiền 6.609.147.039 đồng của nhiều bị hại và trực tiếp được hưởng lợi số tiền 1.100.000.000 đồng tiền môi giới từ việc bán nền đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án và đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thường 07 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nay bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với nội dung bị cáo H chiếm dụng 104.495.098.564 đồng của bị cáo Th (trong việc chuyển nhượng các nền đất trong dự án), hiện nay Cơ quan điều tra đang tiếp nhận đơn tố giác tội phạm của Hồ Sỹ Thường đối với Nguyễn Thị Thu H sẽ được xử lý bằng một vụ án khác. Vì vậy, bị cáo Thường và người bào chữa cho bị cáo Th yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để nhập vào các vụ án khác đã xảy ra tại dự án này là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T yêu cầu trả lại 1.000.000.000 đồng đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Y thì thấy: Ông T tự nguyện thực hiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H, nay ông T kháng cáo yêu cầu giao trả lại 1.000.000.000 đồng cho ông T là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Nếu ông T có yêu cầu đòi Y trả lại số tiền trên thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo H, Th là không có cơ sở nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo H, Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan T; giữ nguyên bản án sơ thẩm nên các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2024/HS-ST ngày 21/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hồ Sỹ Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 16 (Mười sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2021.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Sỹ Th 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2021.

(Tiếp tục tạm giam bị cáo H và bị cáo Th 45 ngày để đảm bảo thi hành án).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc giao trả lại 1.000.000.000 đồng theo Biên bản ngày 25/11/2020 cho ông Nguyễn Văn T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm a, điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp 200.000 đồng;

- Bị cáo Hồ Sỹ Th nộp 200.000 đồng;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T nộp 300.000 đồng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1)
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- CA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trại tạm giam Công an Bà Rịa - Vũng Tàu; (để tống đạt cho bc 1b)
- Lưu, NTTP.

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Thu Hương - Trần Thị Hòa Hiệp

Đặng Văn Ý